

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 8 - 2024

V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Sơn

Bà Mai Lương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2024/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Hoài Phương Q**, sinh năm: 1992

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số F, đường H, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang tạm trú tại: thôn E, T, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

Bị đơn: Anh **Trần Quốc B**, sinh năm: 1989 Nguyễn Thành Hộ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B Cư xá H, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Hiện đang tạm trú tại: 3, đường T, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Hoài Phương Q trình bày: Chị và anh Trần Quốc B xây dựng gia đình với nhau năm 2011, trên cơ sở tình cảm, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa

thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn anh B hay có những hành vi bạo lực, đập phá đồ đạc trong gia đình. Chị cũng đã cố gắng chịu đựng để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được. Vì vậy, từ năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc B.

Về con chung, chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Bảo Đ, sinh ngày 13/6/2009 và Trần Bảo Nhật T, sinh ngày 22/06/2012. Hiện nay đang được anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đồng ý giao 02 con chung cho anh B nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, để chị và anh B tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc B trình bày: Anh và chị Nguyễn Hoài P Q kết hôn với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh không tốt. Từ năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, chị Q đã chuyển về Tuyên Quang. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị Q.

Về con chung, anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Bảo Đ, sinh ngày 13/6/2009 và Trần Bảo Nhật T, sinh ngày 22/06/2012. Hiện nay đang được anh nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh có nguyện được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh B vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Q xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B nữa nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh B. Về con chung, chị Q đồng ý giao 02 con chung cho anh B có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con để chị và anh B tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, chị Q xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Quốc B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Hoài Phương Q. Về con chung, giao 02 con chung là Trần Bảo

Đ và Trần Bảo Nhật T cho anh B có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con anh B không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Quốc B đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hôm nay và anh B có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự cần xem xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Quốc B theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hoài Phương Q và anh Trần Quốc B kết hôn với nhau năm 2011, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, cả hai đã tự sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, chị Q xác định không còn tình cảm với anh B và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh B còn anh B có đơn xin giải quyết vắng mặt. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh B cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Q, xử cho chị Q và anh B được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Q và anh B có 02 con chung là Trần Bảo Đ, sinh ngày 13/6/2009 và Trần Bảo Nhật T, sinh ngày 22/6/2012. Khi ly hôn, anh B có nguyện được nuôi 02 con chung, chị Q cũng đồng ý. Xét thấy, hiện nay cháu Đ và cháu T đang được anh B chăm sóc, nuôi dưỡng và cũng có nguyện vọng được ở với anh B khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về chỗ ở cũng như tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao 02 con chung là Trần Bảo Đ và Trần Bảo Nhật T cho anh B có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh B không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh B cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Hoài Phương Q và anh Trần Quốc B. Xử cho chị Nguyễn Hoài P Q và anh Trần Quốc B được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Bảo Đ, sinh ngày 13/6/2009 và Trần Bảo Nhật T, sinh ngày 22/6/2012 cho anh Trần Quốc B có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con anh B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Nguyễn Hoài Phương Q phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000869 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị Q đã nộp đủ án phí.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND phường 9, tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc